

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 113/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 11 – 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
cấp dưỡng nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Điện.
2. Ông Lý Quốc Triệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2021/TLST – HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 39/TB-TA ngày 12/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp L2, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp N1, xã N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Hữu P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp L2, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống thì vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian, từ năm 2020 đến nay thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do anh P cờ bạc, không chăm lo cuộc sống gia đình, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng không thể hàn

gắn được, vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh P đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh P nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Phan Nguyễn An N (giới tính: Nữ), sinh ngày 17/10/2015, hiện con chung đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: bị đơn anh Phan Hữu P đều vắng mặt nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa, chị T và anh P vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con, yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, Toà xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con” theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* bị đơn trong vụ án là anh Phan Hữu P có địa chỉ cư trú tại ấp L2, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* chị Nguyễn Ngọc T là nguyên đơn trong vụ án, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Phan Hữu P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Ngọc T và anh Phan Hữu P tiến đến hôn nhân vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp. Căn cứ quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh P phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, thường xảy ra tranh cãi, vợ chồng không còn quan tâm, chia sẻ nhau trong cuộc sống. Chị T yêu cầu ly hôn, anh P chưa thể hiện ý kiến. Toà xét thấy: Hôn nhân của anh chị dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc. Khi có mâu thuẫn anh chị không tự giải quyết được mà sống ly thân nhau, trong thời gian ly thân anh chị cũng không có biện pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Mặt khác, quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh P bỏ mặc không đến Tòa, điều đó chứng tỏ tình cảm của anh P đối với chị T cũng không còn, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục

đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh P.

[5] *Về con chung*: Chị T và anh P 01 con chung tên Phan Nguyễn An N (giới tính: Nữ), sinh ngày 17/10/2015. Chị T yêu cầu được nuôi con, Tòa xét thấy: cháu N hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trong quá trình giải quyết vụ án, anh P cũng không có yêu cầu gì về việc nuôi con. Mặt khác, cháu N hiện còn nhỏ, lại là con gái nên cần sự trông nom, chăm sóc của người mẹ. Sau khi xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] *Về cấp dưỡng*: Chị T yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, anh P chưa thể hiện ý kiến. Tòa xét thấy: theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”; Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên...*”. Căn cứ quy định này cũng như xem xét đến nhu cầu thiết yếu của cháu N trong cuộc sống, thấy rằng việc cấp dưỡng là cần thiết, vừa đảm bảo cho cháu N có cuộc sống tốt hơn vừa thể hiện được trách nhiệm của anh P là một người cha. Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên không có thỏa thuận nào khác nên Hội đồng xét xử buộc anh P cấp dưỡng theo quy định pháp luật, cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 745.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 24/11/2021 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] *Về án phí*: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch, bị đơn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo mức không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc T được ly hôn với anh Phan Hữu P.

2. Về con chung: giao cháu Phan Nguyễn An N (giới tính: Nữ), sinh ngày 17/10/2015 cho chị Nguyễn Ngọc T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Hữu P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: buộc anh Phan Hữu P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phan Nguyễn An N, sinh ngày 17/10/2015 mỗi tháng 745.000 (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng, kể từ ngày 24/11/2021 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

4. Về án phí: buộc chị Nguyễn Ngọc T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0008746 ngày 24/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

Buộc anh Phan Hữu P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- UBND xã Long Thạnh, PH, HG.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Em